TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2025/KDTM-ST
Ngày 25 tháng 9 năm 2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CÀ MAU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Hồng Lam**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Khưu Liên Dung**

2. Bà **Dư Thị Út**

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Hồng Thị Xuân** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau tham gia phiên tòa*:** Bà **Trần Mỹ Linh** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2025/TLST-KDTM ngày 03 tháng 3 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 12/2025/QĐXXST-KDTM ngày 11 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S

Địa chỉ: Số C, đường N, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Số C, đường N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Công T – Giám đốc (vắng mặt).

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần T1

Địa chỉ: Số D, V, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là Số D, Võ Văn K, phường B, tỉnh Cà Mau);

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng V – Giám đốc.

Địa chỉ: Số C, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (nay là số C, xã V, tỉnh Cà Mau) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày: Ngày 22 tháng 11 năm 2024, Công ty Cổ phần S và xe điện D đã ký kết hợp đồng mua bán với Công ty Cổ phần T1, theo hợp đồng thể hiện: Hàng hóa hai bên thỏa thuận mua bán là xe đạp CC24, số lượng là 200 chiếc, đơn giá là 1.450.000 đồng/ chiếc, thành tiền là 290.000.000 đồng; Hình thức thanh toán là bên mua thanh toán cho bên bán 50% giá trị hợp đồng ngay sau khi hợp đồng được ký kết, bên mua thanh toán 50% giá trị hợp đồng còn lại trong vòng 15 ngày kể từ khi bên bán giao đầy đủ sản phẩm, hóa đơn VAT cho bên mua; Bên mua phải chịu tiền phạt nếu chậm thanh toán với mức phạt là 0,5%/ ngày/ trên số tiền chưa thanh toán, tối đa 8% giá trị hợp đồng.

Bên bán đã giao hàng hóa và chứng từ có liên quan đúng hạn nhưng bên mua đã không thanh toán đúng hạn số tiền hàng hóa. Bên mua đã thanh toán số tiền 145.000.000 đồng, đến ngày 15/01/2025 thanh toán thêm 40.000.000 đồng, còn nợ số tiền 105.000.000 đồng.

Công ty Cổ phần S và xe điện D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Cổ phần T1 phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S và xe điện D tổng số tiền còn nợ là 129.005.479 đồng, trong đó gồm tiền gốc là 105.000.000 đồng; tiền phạt chậm thanh toán là 23.200.000 đồng; lãi suất chậm trả là 805.479 đồng.

Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật:

Tòa án thụ lý giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tuân thủ trình tự tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Các đương sự tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Nội dung vụ án: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S và xe điện D đối với Công ty Cổ phần T1.

Buộc Công ty Cổ phần T1 phải có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần S và xe điện D số tiền 114.205.479 đồng. Trong đó, nợ gốc số tiền 105.000.000 đồng, khoản tiền phạt vi phạm là 8.400.000 đồng, tiền lãi chậm trả là 805.479 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S và xe điện D đối với Công ty Cổ phần T1 về tiền tiền phạt vi phạm là 14.800.000 đồng.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, Công ty Cổ phần S và Công ty Cổ phần T1 phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đương sự; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả số tiền mua hàng hóa còn nợ, nên đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng, cụ thể là hợp đồng mua bán, tranh chấp này phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có địa chỉ trụ sở tại phường B, tỉnh Cà Mau. Do đó vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[3] Xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu đòi nợ gốc của Công ty Cổ phần S và xe điện D AVI.

[4.1] Công ty Cổ phần S (gọi tắt là Công ty S) và Công ty Cổ phần T1 (gọi tắt là Công ty T1) có giao dịch mua bán hàng hóa là xe đạp, có ký kết hợp đồng mua bán ngày 22/11/2024. Theo hợp đồng thể hiện: Hàng hóa hai bên thỏa thuận mua bán là xe đạp CC24, số lượng là 200 chiếc, đơn giá là 1.450.000 đồng/ chiếc, thành tiền là 290.000.000 đồng; Hình thức thanh toán là bên mua thanh toán cho bên bán 50% giá trị hợp đồng ngay sau khi hợp đồng được ký kết, bên mua thanh toán 50% giá trị hợp đồng còn lại trong vòng 15 ngày kể từ khi bên bán giao đầy đủ sản phẩm, hóa đơn VAT cho bên mua; Bên mua phải chịu tiền phạt nếu chậm thanh toán với mức phạt là 0,5%/ ngày/ trên số tiền chưa thanh toán, tối đa 8% giá trị hợp đồng.

[4.2] Căn cứ khoản 1 Điều 24 Luật thương mại; Điều 401 Bộ luật Dân sự hợp đồng mua bán có hiệu lực từ thời điểm giao kết, việc mua bán háng hóa giữa Công ty S và Công ty T1 là phù hợp quy định pháp luật.

[4.3] Căn cứ hồ sơ thể hiện Công ty S đã giao hàng hóa và chứng từ có liên quan cho Công ty T1 vào ngày 20/12/2024. Công ty T1 đã thanh toán số tiền 145.000.000 đồng cho Công ty S ngày 27/11/2024, đến ngày 15/01/2025 thanh toán thêm 40.000.000 đồng, còn nợ số tiền 105.000.000 đồng. Công ty T1 đã vi phạm

hợp đồng về nghĩa vụ thanh toán từ ngày 15/01/2025, số tiền vi phạm là 105.000.000 đồng.

[4.4] Công ty T1 vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nào thể hiện có trả đủ tiền mua hàng hóa cho Công ty S.

[4.5] Do đó, Công ty S yêu cầu Công ty T1 trả số tiền mua hàng hóa còn nợ là 105.000.000 đồng, xét thấy là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu về tiền phạt chậm thanh toán của Công ty S: Căn cứ theo hợp đồng mua bán hai bên đã ký kết, có thỏa thuận nội dung phạt vi phạm, cụ thể là bên mua phải chịu tiền phạt vi phạm nếu chậm thanh toán với mức phạt là 0,5%/ ngày/ trên số tiền chưa thanh toán, tối đa 8% giá trị hợp đồng. Theo quy định tại Điều 300 Luật Thương mại, việc ký kết hợp đồng mua bán có thỏa thuận phạt vi phạm là đúng quy định. Tuy nhiên, về mức phạt vi phạm theo quy định tại Điều 301 Luật Thương mại thì mức phạm vi phạm "không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm" chứ không phải là "8% giá trị hợp đồng" như hợp đồng mua bán đã thể hiện. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu của Công ty S về mức phạt vi phạm đó là "không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm", nghĩa là không quá số tiền 8.400.000 đồng. Căn cứ vào thời gian và số tiền Công ty T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán của hợp đồng mua bán, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Công ty S buộc công ty T1 trả một khoản tiền phạt vi phạm là 8.400.000 đồng; đối với yêu cầu về khoản tiền phạt vi phạm 14.800.000 đồng của Công ty S là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Đối với yêu cầu về tiền lãi suất chậm trả của Công ty S:

[6.1] Theo Điều 306 Luật thương mại quy định về quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán, cụ thể *"Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả".* Như vậy yêu cầu về tiền lãi suất chậm trả của Công ty S là có căn cứ chấp nhận.

[6.2] Theo Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về xác định lãi suất trung bình quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại như sau: *"Trường hợp hợp đồng thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 thì khi xác định lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm trả, Tòa án căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 (ba) ngân hàng thương mại (Ngân hàng thương mại cổ phần N, Ngân hàng thương mại cổ phần C, Ngân hàng N1,...) có trụ*

sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Tòa án đang giải quyết, xét xử có trụ sở tại thời điểm thanh toán (thời điểm xét xử sơ thẩm) để quyết định mức lãi suất chậm trả". Theo thông tin về mức lãi suất nợ quá hạn của Ngân hàng TMCP N chi nhánh B ngày 25//9/2025 là 13,5%/năm, Ngân hàng TMCP C chi nhánh B ngày 24/5/2025 là 18%/năm, Ngân hàng N1 chi nhánh B cung cấp ngày 25/9/2025 là 10,5%/năm, trung bình lãi suất của 03 ngân hàng là 14%/năm. Công ty S yêu cầu mức lãi suất chậm trả là 10%/năm, số tiền cụ thể là 805.479 đồng, xét thấy yêu cầu của Công ty S là phù hợp với quy định nên được chấp nhận.

[7] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

[7.1] Công ty S phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là 3.000.000 đồng. Công ty S đã nộp tạm ứng án phí 3.225.000 đồng theo biên lai số 0000152 ngày 03 tháng 3 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được chuyển thu án phí số tiền 3.000.000 đồng, được hoàn lại số tiền 225.000 đồng.

[7.2] Công ty T1 phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật đối với phần yêu cầu khởi kiện được chấp nhận là 5.710.274 đồng.

[8] Đối với đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

- Khoản 1 Điều 24; Điều 50; Điều 300; Điều 301; Điều 306 Luật thương mại;

- Điều 401 Bộ luật Dân sự;

- Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S và xe điện D đối với Công ty Cổ phần T1.

Buộc Công ty Cổ phần T1 phải có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần S và xe điện D số tiền 114.205.479 đồng. Trong đó, nợ gốc số tiền 105.000.000 đồng, khoản tiền phạt vi phạm là 8.400.000 đồng, tiền lãi chậm trả là 805.479 đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S và xe điện D đối với Công ty Cổ phần T1 về tiền tiền phạt vi phạm là 14.800.000 đồng.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Cổ phần S và xe điện D phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 3.000.000 đồng. Công ty Cổ phần S và xe điện D đã nộp tạm ứng án phí 3.225.000 đồng theo biên lai số 0000152 ngày 03 tháng 3 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được chuyển thu án phí số tiền 3.000.000 đồng, được hoàn lại số tiền 225.000 đồng.

Công ty Cổ phần T1 phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 5.710.274 đồng.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 6 – Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu.

(đã ký)

Lê Hồng Lam